

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS Kim Sơn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS KIM SƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số liệu quyết toán thu, chi NSNN năm 2024 của trường THCS Kim Sơn.

Căn cứ vào biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của phòng Tài chính kế hoạch huyện Gia Lâm.

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường THCS Kim Sơn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THCS Kim Sơn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán - Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Kim Sơn thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Mai

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-THCSKS ngày 28/03/2025 của trường THCS Kim Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.473.199.645	3.473.199.645	-	
I	Số thu phí, lệ phí	591.162.500	591.162.500	-	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	591.162.500	591.162.500	-	
	Học phí	591.162.500	591.162.500	-	
	Phí ...			-	
3	Thu sự nghiệp khác	2.882.037.145	2.882.037.145	-	
3.1	Học 2 buổi	602.783.500	602.783.500	-	
3.2	Học thêm	1 975 513 000	1.975.513.000	-	
3.3	GD kỹ năng sống	183 060 000	183.060.000	-	
3.4	Chăm sóc Bán trú	107 636 000	107.636.000	-	
3.5	Trang thiết bị PVBT	11 349 000	11.349.000	-	
3.6	Lãi tiền gửi KB,NH	1.695.645	1.695.645	-	
				-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	3.444.570.590	3.444.570.590	-	
1	Chi sự nghiệp	563.405.500	563.405.500	-	
	Chi học phí	563.405.500	563.405.500	-	
				-	
2	Chi quản lý hành chính			-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
3	Chi sự nghiệp khác	2.881.165.090	2.881.165.090	-	
3.1	Học 2 buổi	602.783.500	602.783.500	-	
3.2	Học thêm	1 975 513 000	1.975.513.000	-	
3.3	GD kỹ năng sống	183 060 000	183.060.000	-	
3.4	Chăm sóc Bán trú	107 636 000	107.636.000	-	
3.5	Trang thiết bị PVBT	11 349 000	11.349.000	-	
3.6	Lãi tiền gửi KB,NH	823 590	823.590	-	
				-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			-	
1	Lệ phí			-	
	Lệ phí...			-	
	Lệ phí...			-	
2	Phí			-	
	Phí ...			-	
	Phí ...			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			-	
I	Nguồn ngân sách trong nước			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết định được duyệt tiết kiệm do vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			-	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.188.977.000	8.188.977.000	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.788.129.000	7.788.129.000	-	
	Chi thanh toán cá nhân	3.617.688.796	3.617.688.796	-	
	Phúc lợi tập thể	15.200.000	15.200.000	-	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	139.445.940	139.445.940	-	
	Vật tư văn phòng	97.656.228	97.656.228	-	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.515.051	2.515.051	-	
	Hội nghị	0	0	-	
	Thanh toán công tác phí	16.250.120	16.250.120	-	
	Chi phí thuê mượn	188.580.000	188.580.000	-	
	Sửa chữa TS phục vụ công tác CM	95.265.000	95.265.000	-	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn.....	3.135.339.650	3.135.339.650	-	
	Mua sắm tài sản vô hình	0	0	-	
	Chi khác	38.860.000	38.860.000	-	
	Trích quỹ CNTT	191.601.215	191.601.215		
	Trích quỹ phúc lợi	168.527.000	168.527.000		
	Trích quỹ khen thưởng	15.000.000	15.000.000		
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	66.200.000	66.200.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400.848.000	400.848.000		
	Kinh phí miễn giảm học phí, Hỗ trợ CPHT	8.200.000	8.200.000		
	Kinh phí cấp bù học phí giao sau 30/9	182.977.000	182.977.000		
	Kinh phí khen thưởng ND 73	209.671.000	209.671.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Quyết định được duyệt

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				



Ngày 28 tháng 03 năm 2025



[Handwritten signature]

Phạm Thị Mai

Số: 18 /BC-THCSKS

Kim Sơn, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO
THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-Cp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách;
- Căn cứ vào thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ
- Căn cứ Quyết định số: 5399/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi, ngân sách năm 2024 của huyện Gia Lâm.
- Căn cứ số liệu thực hiện thu, chi ngân sách của trường năm 2023 đã đối chiếu khớp đúng với kho bạc Nhà nước huyện Gia Lâm, đồng thời đã được Phòng Tài chính và kế hoạch huyện gia Lâm thẩm định duyệt quyết toán ngân sách năm 2023. Trường THCS Kim Sơn thuyết minh về báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Quyết toán thu năm 2024 :

1. Thu phí , lệ phí : 591.162.500 đ bằng 101,2% dự toán đầu năm.

- Số chuyên nguồn năm 2023 mang sang : 148.790.993 đ.
- Thu học phí: 591.162.500 đ bằng 101,2% dự toán đầu năm
- Ngân sách cấp bù : 188.477.000 đ

2. Thu sự nghiệp khác : 2.882.037.145 đ bằng 155,0% dự toán đầu năm.

- Thu từ học 2 buổi/ngày : 602.783.500 đ bằng 101,0% so với dự toán đầu năm .
- Thu từ nguồn học thêm-Bồi dưỡng bổ sung KT văn hóa : 1.975.513.000đ bằng 205,9% so với dự toán đầu năm
- Thu từ nguồn giáo dục kỹ năng sống : 183.060.000đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
- Thu từ nguồn trang thiết bị PVBT : 11.349.000đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
- Thu từ nguồn chăm sóc Bán trú : 107.636.00đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
- Thu từ nguồn lãi tiền gửi : 1.695.645đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.

3. Đánh giá chung:



Năm 2024, thu học phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác đều được chỉ tiêu như dự toán đầu năm là do năm 2024 các mức thu nhà nước quy định tăng hơn tại nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội

II. Quyết toán chi năm 2024 :

1. Chi từ nguồn thu phí được để lại : 563.405.500 đ bằng 96,5% so với dự toán đầu năm.
2. Chi thực hiện chế độ tự chủ : 563.405.500 đ bằng 96,5% so với dự toán đầu năm.
3. Chi từ hoạt động sự nghiệp khác : 2.881.165.090 đ bằng 154,9 % so với dự toán đầu năm.
 - Chi từ học 2 buổi/ngày : 602.783.500 đ bằng 101,0% so với dự toán đầu năm .
 - Chi từ nguồn học thêm : 1.975.513.000 đ bằng 205,9% so với dự toán đầu năm
 - Chi từ nguồn giáo dục kỹ năng sống : 183.060.000 đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
 - Chi từ nguồn trang thiết bị PVBT : 11.349.000 đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
 - Chi từ nguồn chăm sóc Bán trú : 107.636.00 đ bằng 100% so với dự toán đầu năm.
 - Chi từ nguồn lãi tiền gửi : 823.590 đ bằng 48,6% so với dự toán đầu năm.
4. Chi từ nguồn ngân sách cấp : 8.188.977.000 đ bằng 111,1% dự toán giao đầu năm.
 - 3.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên : 7.788.129.000 đ bằng 111,8% dự toán giao đầu năm.
 - Chi thanh toán cá nhân : 3.617.688.796 đ bằng 64,8% so với dự toán đầu năm.
 - Chi phúc lợi tập thể : 15.200.000 đ bằng 101,3% so với dự toán đầu năm.
 - Chi thanh toán dịch vụ công cộng : 139.445.940 đ bằng 63,7% so với dự toán đầu năm.
 - Chi vật tư văn phòng : 97.656.228 đ bằng 35,4% so với dự toán đầu năm.
 - Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc : 2.515.051 đ bằng 6,7% so với dự toán đầu năm.
 - Chi hội nghị : 0 đ.
 - Chi thanh toán công tác phí : 16.250.120 đ bằng 34,3% so với dự toán đầu năm.
 - Chi phí thuê mướn : 188.580.000 đ bằng 139,7% so với dự toán đầu năm.
 - Chi sửa chữa TS...phục vụ công tác CM : 95.265.000 đ bằng 69,0% so với dự toán đầu năm.
 - Chi mua sắm tài sản vô hình : 0đ

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, ĐH giáo dục : 3.135.339.650 đ bằng 756,8% so với dự toán đầu năm.

- Chi khác : 38.860.000 đ bằng 68,4% so với dự toán đầu năm.

- Trích quỹ TNTT : 191.601.215 đ.

- Trích quỹ phúc lợi : 168.527.000 đ.

- Trích quỹ khen thưởng : 15.000.000 đ.

- Trích quỹ phát triển sự nghiệp : 66.200.000 đ

Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 400.848.000 đ bằng 100% dự toán giao.

- Chi kinh phí miễn giảm hỗ trợ học phí, chi phí học tập : 8.200.000 đ bằng 100% dự toán giao.

- Chi kinh phí cấp bù học phí : 182.977.000 đ bằng 100% dự toán giao.

- Chi kinh phí khen thưởng NĐ 73 : 209.671.000 đ bằng 100% dự toán giao.

4.2 Đánh giá chung :

Năm 2024, chi ngân sách nhiệm vụ thường xuyên nhà nước đạt 111,1% là do tăng mức lương cơ sở nên được giao bổ sung kinh phí, Chi nhiệm vụ không thường xuyên đạt được 99,9% như dự toán giao đầu năm là do không sử dụng hết kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ học phí. Nhà trường đã bám sát dự toán được phòng tài chính huyện Gia Lâm thẩm định và thực hiện điều hành phân bổ chi ngân sách đảm bảo công khai minh bạch chặt chẽ, tiết kiệm đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên, không thường xuyên đảm bảo các mục tiêu nhiệm vụ của cấp trên, của ngành góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Chi chuyển nguồn :

Tổng số chi chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 tiếp tục thực hiện là 27.757.000đ. Trong đó :

Nguồn tiền gửi thu sự nghiệp thu học phí tài khoản 3716 : 27.757.000 đ.

Nguồn tiền gửi thu dịch vụ khác tài khoản 3714 : 399.179 đ.

Nguồn tiền gửi khác tài khoản 3713 : 1.662.472 đ.

Trên đây là một số nội dung thuyết minh báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của trường THCS Kim Sơn. Trường THCS Kim Sơn kính báo cáo Phòng Tài chính và kế hoạch huyện Gia Lâm !

Nơi nhận:

- Phòng TC & KH Huyện Gia Lâm.

- Lưu:VT.



Phạm Thị Mai